

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: .../ĐHNT, ngày ...tháng 7 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: **Quản lý thủy sản**

Tiếng Anh: Fisheries Management.

I.2. Tên ngành: Quản lý thủy sản Mã số: 52620399

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm.

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: **150** tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: **Viện Khoa học và công nghệ khai thác thủy sản**

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo kỹ sư Quản lý thủy sản bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2013 - 2014, do yêu cầu cấp thiết đào tạo nguồn nhân lực cho công tác Quản lý nghề cá trên cả nước. Chương trình cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về chuỗi sản xuất nghề cá trong các lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản; về thương mại và dịch vụ nghề cá; về quản lý và tư vấn chính sách nghề cá. Chương trình dành cho tất cả các đối tượng không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, có đủ sức khỏe để học tập và lao động trong ngành thủy sản, có nhu cầu nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nghề cá; đồng thời đây cũng là cơ hội để người học có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khai thác thủy sản, ngành Quản lý thủy sản.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

II.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học Quản lý thủy sản cung cấp cho sinh viên môi trường học tập và rèn luyện để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý nghề cá, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành thủy sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển.

II.2. Mục tiêu cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học Quản lý thủy sản có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp; pháp luật liên quan đến lĩnh vực nghề cá; ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và đủ sức khỏe để làm việc trong lĩnh vực thủy sản.

2. Hiểu biết các vấn đề về khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nghề cá; nghề cá bền vững; chính sách nghề cá;

3. Có kỹ năng điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, thống kê nghề cá; nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hoạt động nghề cá; tham gia xây dựng các chính sách trong lĩnh vực quản lý nghề cá; quản lý chuỗi cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá; tổ chức Thanh tra thủy; tham gia công tác Khuyến ngư, tư vấn dịch vụ nghề cá;

4. Đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh và công nghệ thông tin đáp ứng hợp tác Quốc tế về nghề cá; Có kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề về lĩnh vực quản lý thủy sản.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra:

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe: Có lập trường chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp; hiểu biết về văn hóa - xã hội, pháp luật liên quan đến lĩnh vực nghề cá; có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và đủ sức khỏe để làm việc trong lĩnh vực thủy sản.

B. Kiến thức

B1. Hiểu và vận dụng hệ thống lý luận chính trị, nền tảng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và tin học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và các vấn đề trong lĩnh vực thủy sản/ngành cá;

B2. Hiểu biết về môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, ngư trường – nguồn lợi thủy sản các vùng biển của Việt Nam; tàu thuyền nghề cá, công nghệ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; bảo quản và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; chuỗi cung ứng các sản phẩm thủy sản; thương mại và dịch vụ hậu cần nghề cá;

B3. Hiểu biết các vấn đề về nghề cá bền vững; dịch bệnh thủy sản và vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản; quản lý kinh tế nghề cá, qui hoạch và chính sách nghề cá; bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;

B4. Hiểu biết và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:

B4.1. Thống kê nghề cá; kiểm tra, theo dõi – kiểm tra - giám sát nghề cá; tham gia tư vấn/xây dựng các chính sách trong lĩnh vực quản lý nghề cá;

B4.2. Quản lý khai thác, tàu thuyền, dịch vụ hậu cần, môi trường và sản phẩm thủy sản, nguồn lợi thủy sản;

B4.3. Quản lý và thực thi chính sách và pháp luật về thủy sản; khuyến ngư và tư vấn dịch vụ nghề cá;

C. Kỹ năng

C1. Có tư duy sáng tạo và phản biện; biết giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử và đa truyền thông, biết cách thuyết trình trước cộng đồng; biết tổ chức tư vấn độc lập và làm việc nhóm trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng nghiên cứu, quản lý và giám sát nghề cá theo hướng bền vững;

C2. Có trình độ ngoại ngữ (ngôn ngữ Anh) đạt chuẩn đầu ra A2.2 theo Qui định số **877/QĐ-ĐHNT** ngày 25 tháng 9 năm 2015 áp dụng cho Sinh viên không chuyên ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD và Đào tạo), có khả năng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nghề cá;

C3. Có kỹ năng đạt chuẩn sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Qui định của Bộ Thông tin và truyền thông; ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào nghiên cứu đánh giá nguồn lợi, dự báo ngư trường, quản lý thủy sản (giám sát nghề cá, thống kê nghề cá, quản lý tàu cá...);

C4. Hiểu biết và vận dụng giải quyết một số vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn: Quản lý nghề cá trong phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; tư vấn, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn ngành trong lĩnh vực quản lý nghề cá, xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động thủy sản, theo dõi – kiểm tra – giám sát tàu cá (MSC); thực thi công việc của thanh tra thủy sản; tham gia xây dựng, ứng dụng các mô hình quản lý nghề cá phù hợp trong phạm vi quản lý.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên ngành Quản lý thủy sản sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sau:

- Bộ NN&PTNT, Tổng cục thủy sản, Cục kiểm ngư, Vụ khai thác & BVNL thủy sản, Sở NN&PTNT các tỉnh, Chi cục Thủy sản, Chi cục kiểm ngư, Chi cục Biển đảo, Phòng NN&PTNT huyện thị, UBND các phường, xã;
- Cơ sở đào tạo, nghiên cứu và quy hoạch nghề cá;
- Cơ quan khuyến nông – khuyến ngư;
- Cảng cá, cơ sở và dịch vụ hậu cần nghề cá;
- Tổ chức bảo tồn biển, bảo tồn thiên nhiên;
- Doanh nghiệp Thủy sản;
- Tổ chức, Hiệp hội trong nước và quốc tế về quản lý thủy sản, tài nguyên môi trường biển.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo:

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	59	39,3	47	80	12	20
Khoa học xã hội và nhân văn	20	33,9	14	70,0	6	30
Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh	11	18,6	11	100	0	0
Toán và khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	20	33,9	14	70,0	6	30
Ngoại ngữ	8	13,6	8	100	0	0
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	60,7	77	84,6	14	15,4
Kiến thức cơ sở ngành	40	26,7	34	85,0	6	15,0
Kiến thức ngành	51	34,0	43	84,3	8	15,7
Cộng	150	100	124	82,7	26	17,3

IV. 2. Đối tượng tuyển sinh:

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định số của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/ HP tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	59				
A.I	Khoa học xã hội - nhân văn	20				
AI.1	Các học phần bắt buộc	14				
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2			-	A, B1
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3			1	A, B1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	A, B1
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3			3	A, B1
5	Pháp luật đại cương	2			-	A
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			-	C1
A.I.2	Các học phần tự chọn	6				
7	Tâm lý học đại cương	2				C1
8	Logic học đại cương	2			-	B1
9	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				C1
10	Nhập môn quản trị học	2				
11	Nhập môn hành chính nhà nước	2				A
12	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			-	C4
13	Kinh tế học đại cương	2				
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			-	B1
A.II	Toán, Khoa học tự nhiên và môi trường	20				
A.II.1	Các học phần bắt buộc	14				
15	Đại số tuyến tính	2	30		-	B1
16	Giải tích	3			15	B1
17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30		16	B1
18	Tin học cơ sở	2	20		17	B1, C3
19	TH Tin học cơ sở	1		15	18	B1, C3
20	Sinh học đại cương	2			-	B1, B2
21	TH Sinh học đại cương	1			20	B1
A.II.2	Các học phần tự chọn	6			-	
22	Biến đổi khí hậu	2			-	C4
23	Con người và môi trường	2			0	B4.2, C4
24	Hóa học đại cương	3			0	B1
25	TH Hóa học ĐC	1			24	B1
26	Vật lý đại cương	3			-	B1
27	TH Vật lý ĐC	1			26	B1
A.III	NGOẠI NGỮ	8				
28	Anh văn A2.1	4			-	C2
29	Anh văn A2.2	4			28	C2
A.IV	GD THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH	11				
	Các học phần bắt buộc	11				
30	Giáo dục thể chất 1: điền kinh	1			-	A
31	Giáo dục thể chất 2: bơi lội	1			-	A, C4
32	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3				A
33	Công tác quốc phòng - an ninh	2				A
34	Quân sự chung và kỹ chiến thuật	3				A

35	Giáo dục thể chất 3 (Chọn 1 trong các HP: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật)	1			-	A
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91				
B.I	Kiến thức cơ sở	40				
B.I.1	Các học phần bắt buộc	34				
36	Sinh thái học cá biển	2			26	B1, B2
37	Tàu thuyền nghề cá	3			22	B2
38	Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác	2	15	15	36	B2, C4
39	Ngư trường - Nguồn lợi thủy sản	3	35	10	38	B1
40	Công nghệ chế tạo ngư cụ	3	30	15	23	B3,B4.1, C1
41	Pháp luật hàng hải và nghề cá	4			5,39	B3, B4.3, C4
42	Nuôi trồng thủy sản	3			36,39	B2, B4.2, C4
43	Khai thác thủy sản	4			40	A, B3, C4
44	Chế biến thủy sản	3			43	B4.1,
45	Phương pháp NCKH trong quản lý TS	2			44	B4.2, C4
46	Nghề cá nội địa	2			43	B2, C3
47	Kinh tế và quản lý nghề cá	3			13,36	B4.2, C1
B.I.2	Các học phần tự chọn	6				
48	Khí tượng - Hải dương	2			-	B3, B4.3, C4
49	Địa lý kinh tế nghề cá	2			39	B4.2, C1, C3
50	Hàng hải cơ bản cho nghề cá	2			22	B3, B4.3, C4
51	Máy điện hàng hải	2			25	A, C4
52	Hải dương học nghề cá	2			27	B2, C4
B.II	Kiến thức chuyên ngành	51				
B.II.1	Các học phần bắt buộc	33				
53	Đăng kiểm và quản lý tàu cá	3			37,43	B3, C4
54	Quản lý khai thác thủy sản	3			41,43	B4.2, C4
55	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý TS	4			55	B4.2, C.1,C4
56	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	3			54	B4.2, C4
57	Theo dõi - Kiểm tra - Giám sát nghề cá (MCS)	2			53,56	B4.3
58	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	3			44,56	B4.2, C1, C4
59	Quản lý hậu cần nghề cá	3			58	B4.2, C1, C4
60	Nghề cá bền vững	3			55	B1, C3
61	Qui hoạch và chính sách nghề cá	3			60	B4.2,B4.3,C4
62	Thực tập chuyên ngành công nghệ (5 tuần)	3			46	B4.2,C2,C4
63	Thực tập chuyên ngành quản lý (5 tuần)	3			60	A, B2, C1,C4
B.II.2	Các học phần tự chọn	8				
64	Khuyến ngư	2			45	A,B2, C1,C4
65	Ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý TS	2			60	B3, C4
66	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2			10,58	C1
67	Bảo quản sản phẩm trên tàu	2			44	B4.3, C4
68	Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh thủy sản	2			43	B4.2
69	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản	2			56	B4.3, C4
B.II.3	Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế	10				
71	Đồ án tốt nghiệp (12 tuần)	10			63	ABC

	Học phần thay thế	10				A,B,C
	Các học phần bắt buộc:					
72	Chuyên đề TN (8 tuần)	5			63	A, B, C
	Các học phần tự chọn	5				
73	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	3			63	B4.3,C4
74	Quản lý chất lượng và an toàn VSTP thủy sản	3			63	B4.1,B4.3,C4
75	Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng	2			63	B4.3, C4
76	Quản lý khu Bảo tồn và đa dạng sinh học	2			63	B4.2
	TỔNG CỘNG	150				

IV.5. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

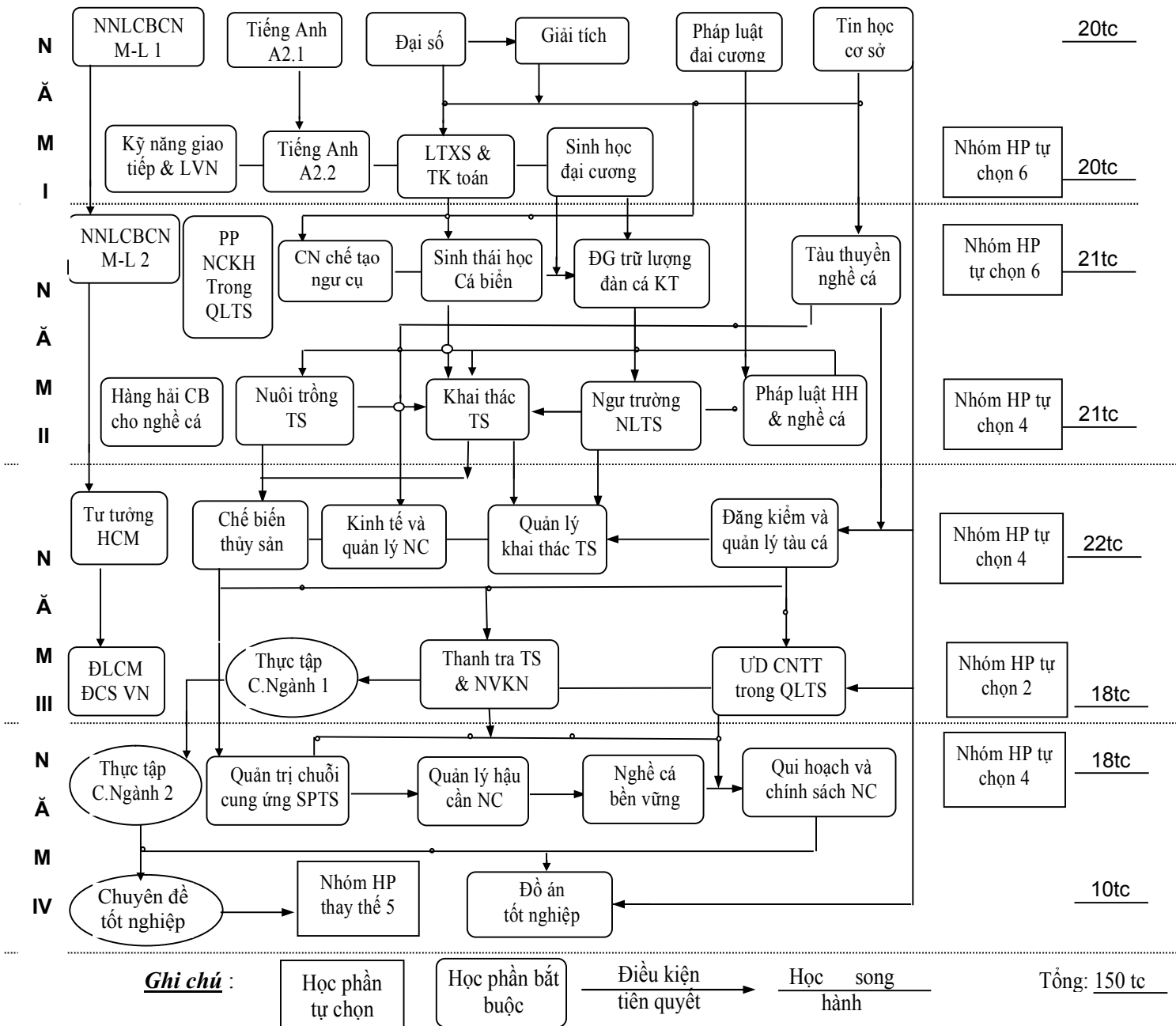
	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (7HP - 16 TC)	Học phần bắt buộc		16
	POL201	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2
	FLS312	Tiếng Anh A2.1	4
	MAT211	Đại số tuyến tính	2
	MAT309	Giải tích	3
	SSH313	Pháp luật đại cương	2
	SOT303	Tin học cơ sở	2
		TH Tin học cơ sở	1
	Học phần tự chọn		0
Học kỳ 2 (8HP - 18 TC)	Học phần bắt buộc		12
	FLS313	Tiếng Anh A2.2	4
	BIO219	Sinh học đại cương	2
		TH Sinh học đại cương	1
	MAT322	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
	SSH 314	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2
	Học phần tự chọn		6
	CHE 371	Hóa học đại cương	3
	CHE 372	Thực hành Hóa học ĐC	1
	POL 320	Logic đại cương	2
	SSH 316	Tâm lý học đại cương	2
	SSH 315	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2
	SSH 321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	EPM	Con người và môi trường	2
Học kỳ 3 (9HP -21 TC)	Học phần bắt buộc		15
	POL 318	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3
	AQT 334	Sinh thái học cá biển	2
	FIT337	Công nghệ chế tạo ngư cụ	3
	FIT 329	Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác	2
	NAA 347	Tàu thuyền nghề cá	3
	DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QLTS	2
Học phần tự chọn		6	

	ENE327	Biến đổi khí hậu	2
	SSH 324	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2
		Nhập môn quản trị học	2
		Nhập môn hành chính nhà nước	2
		Kinh tế học đại cương	2
	PHY30..	Vật lý đại cương	3
	PHY 307	Thực hành Vật lý ĐC	1
Học kỳ 4 (7 HP – 20 TC)	Học phần bắt buộc		16
	FIT338	Ngư trường – Nguồn lợi thủy sản	3
	NAV 347	Pháp luật hàng hải và nghề cá	4
	AQT 364	Nuôi trồng thủy sản	3
	FIT 341	Khai thác thủy sản	4
	FIT 357	Nghề cá nội địa	2
	Học phần tự chọn		4
	FIT 335	Địa lý kinh tế nghề cá	2
	NAV336	Hàng hải cơ bản cho nghề cá	2
	NAV 330	Khí tượng - Hải dương	2
Học kỳ 5 (7HP – 19TC)	Học phần bắt buộc		17
	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
		Chế biến thủy sản	3
	FIT 347	Kinh tế và quản lý nghề cá	3
	FIT364	Đăng kiểm và quản lý tàu cá	3
	FIT363	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	3
	FIT352	Quản lý Khai thác thủy sản	3
	Học phần tự chọn		2
	NAV 344	Máy điện hàng hải	2
	FIT 332	Hải dương học nghề cá	2
Học kỳ 6 (7HP - 17TC)	Học phần bắt buộc		13
	POL 340	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3
	FIT354	Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLTS	4
	TRE	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	3
	FIT353	Thực tập chuyên ngành 1 (6 tuần)	3
	Học phần tự chọn		4
	FIT356	Khuyến ngư	2
	FIT346	Bảo quản sản phẩm trên tàu cá	2
		Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh thủy sản	2
Học kỳ 7 (7HP – 18 TC)	Học phần bắt buộc		14
	FIT	Theo dõi - Kiểm tra - Giám sát nghề cá (MCS)	2
	FIT 331	Quản lý hậu cần nghề cá	3
	FIT361	Nghề cá bền vững	3
	FIT	Qui hoạch và chính sách nghề cá	3
	FIT355	Thực tập chuyên ngành 2 (5 tuần)	3
	Học phần tự chọn		4
	Ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý TS	2	

		Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2
		Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản	2
Học kỳ 8 (10TC)	Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế		10
		Đồ án tốt nghiệp (16 tuần)	10
	Học phần thay thế		10
	Các học phần bắt buộc		5
		Chuyên đề tốt nghiệp (8 tuần)	5
	Các học phần tự chọn		5
	FIT	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	3
		Quản lý chất lượng và an toàn VSTP thủy sản	3
	FIT	Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng	2
	FIT	Quản lý khu Bảo tồn và đa dạng sinh học	2

Sinh viên có học lực tốt (điểm trung bình do Nhà trường quy định cụ thể cho từng năm và từng ngành học) có thể được giao thực hiện đồ án tốt nghiệp ở HK 8 (10 tín chỉ), hoặc chuyên đề TN (5 tín chỉ) và học thay thế 2 HP tự chọn 5TC của HK8.

IV.6. LƯU ĐỒ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH



IV.7. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần:

1. Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin 1 () - MS: POL201 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong phạm vi Triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, đó là những nguyên lý cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học và chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào việc nghiên cứu đời sống xã hội.

2. Những nguyên lý CB của CN Mác – Lenin 2 () - MS: POL318 3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bao gồm học thuyết của Mác về giá trị, giá trị thặng dư và học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Đồng thời trang bị cho người học Chủ nghĩa xã hội khoa học một trong ba bộ phận hình thành chủ nghĩa Mác- Lênin.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) - MS: POL333 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống quan điểm lý luận cách mạng Hồ Chí Minh bao gồm: Mối liên hệ biện chứng trong sự tác động qua lại của tư tưởng độc lập, tự do với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, về độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, về các quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Revolutionary strategies of Vietnam Communist Party) - MS: POL340 3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản thời kỳ đổi mới.

5. Pháp luật đại cương (Fundamentals of Law) - MS: SSH313 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay; nhằm rèn luyện cho người học sống và làm việc theo pháp luật.

6. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm (Communication Skills) - MS: SSH314 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về các loại hình giao tiếp trong các tình huống khác nhau; những hiểu biết cơ bản về vai trò, đặc trưng, chức năng của nhóm; cách vận dụng các điều kiện, nguyên tắc vào qui trình thực hành làm việc nhóm; giáo dục ý thức sẵn sàng hợp tác chia sẻ thông tin, tri thức, không ngừng rèn luyện để có kỹ năng làm việc nhóm thành thực; phát triển kỹ năng giao tiếp của người học.

7. Tâm lý học đại cương (General Psychology) - MS: SSH316 2 TC

Học phần này cung cấp cho người học: Những khái niệm, các quy luật và những yếu tố tác động đến sự hình thành, phát triển và mất đi của các hiện tượng tâm lý người. Đồng thời chỉ ra các con đường hình thành, phát triển nhân cách cũng như những yếu tố tác động đến sự lệch chuẩn nhân cách của mỗi người.

Sau khi học xong người học biết lựa chọn và đặt ra mục tiêu học tập và rèn luyện phù hợp với khả năng của bản thân cũng như vận dụng được kiến thức của môn học để giải quyết các tình huống gặp phải trong cuộc sống.

8. Logic đại cương (General Logics) - MS: POL320 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quy luật và hình thức của tư duy hướng vào việc nhận thức đúng đắn hiện thực khách quan, làm sáng tỏ những điều kiện nhằm đạt tới tri thức chân thực, phân tích kết cấu của quá trình tư tưởng, vạch ra các thao tác logic và phương pháp lập luận chuẩn xác.

9. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định (Problem solving Skills.....) MS: SSH324 2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức: tổng quan về *vấn đề, giải quyết vấn đề*; các công cụ, kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề. Song song đó, học phần cung cấp và tổ chức cho người học thực hành hệ thao tác của quy trình giải quyết vấn đề. Kết thúc học phần, người học có khả năng nhận diện (mô tả và phân tích) vấn đề, xác định được nguyên nhân của vấn đề, đưa ra được giải pháp tối ưu, đi đến thực hiện thành công giải pháp để giải quyết các vấn đề trong học tập, công tác, cuộc sống...

10. Nhập môn quản trị học () MS: 2TC

11. Nhập môn hành chính nhà nước () MS: 2TC

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhập môn hành chính nhà nước: những vấn đề về bản chất, chức năng của nhà nước và của cơ quan hành chính nhà nước, các phương pháp, hình thức cơ bản được sử dụng trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động có liên quan trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Sau khi học xong người học biết được các hoạt động quản lý hành chính nhà nước để tự giác và nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của bản thân.

12. Kỹ thuật soạn thảo văn bản () - MS: SSH315 2TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về văn bản và văn bản luật, văn bản dưới luật, văn bản hành chính thông thường, hệ thống các thao tác trong qui trình tiếp nhận và soạn thảo văn bản khoa học tiếng Việt ở cả dạng nói và viết; nhằm giúp sinh viên có khả năng thực hành văn bản tiếng Việt, làm phương tiện cho quá trình học tập, nghiên cứu và công tác.

13. Kinh tế học đại cương () MS: 2TC

14. Cơ sở văn hóa Việt Nam () MS: 2TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về văn hóa, văn hóa học và trên những hiểu biết căn bản đó học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên cái nhìn toàn diện về văn hoá Việt Nam: diễn trình lịch sử, phân vùng văn hóa, ... các thành tố trong cấu trúc; nhằm giáo dục ý thức trân trọng, bảo tồn, phát huy, phát triển tinh hoa văn hóa dân tộc; thấm nhuần văn hóa dân tộc để giao lưu, hội nhập hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hoá như hiện nay.

15. Giáo dục thể chất 1 - Điền kinh (Physical education 1 - Athletics) - MS: 1 TC

Học phần trang bị cho người học:

- Phần lý thuyết bao gồm: lịch sử phát triển, các nội dung của bộ môn Điền kinh, luật và trọng tài thi đấu môn Điền kinh;

- Phần thực hành: kỹ năng chạy cự ly ngắn 100 mét nam và nữ, chạy cự ly trung bình nam 1500 mét, nữ 500 mét.

Nhằm giúp cho người học khả năng tự rèn luyện thể lực thông qua 2 nội dung chạy cự ly ngắn và cự ly trung bình.

16. Giáo dục thể chất 2 (Physical education 2) - Bơi lội - MS: 2 TC

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn bơi lội, luật và trọng tài.

Phần thực hành: các bài tập cơ bản giành cho những người không biết bơi, kỹ thuật bơi trườn sấp, bơi éch.

17. Giáo dục Quốc phòng an ninh 1: Đường lối quân sự của Đảng - MS: 66001 3TC

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Nghiên cứu đường lối quân sự của Đảng góp phần hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên.

18. Giáo dục Quốc phòng an ninh 2: Công tác Quốc phòng –An ninh - MS:66002 2TC

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược ”diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam ; một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam ; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia ; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

19. Giáo dục QPAN 3: Quân sự chung & kỹ chiến thuật – MS: 6604 3TC

Học phần có 3 ĐVHT lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm:

sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng

20. Giáo dục thể chất 3 (Physical education 3) - MS:

2 TC

Người học chọn một trong các học phần sau:

- Bóng đá

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn bóng đá, luật và trọng tài.

Phần thực hành: thực hiện động tác kỹ thuật đá bóng má trong bằng lòng bàn chân, kỹ thuật ném biên, kỹ năng kiểm soát bóng bằng việc dẫn bóng luân cọc và tăng bóng.

- Bóng chuyền

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn bóng chuyền, luật và trọng tài.

Phần thực hành: các động tác kỹ thuật trong môn bóng chuyền gồm: chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng cao và phát bóng thấp tay

- Bóng rổ

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn bóng rổ, luật và trọng tài.

Phần thực hành: thực hiện các kỹ năng động tác trong môn bóng rổ gồm: chuyền bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném bóng vào rổ, di chuyển ném bóng vào rổ, kỹ thuật tấn công hai bước lên rổ.

- Cầu lông

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn cầu lông, luật và trọng tài.

Phần thực hành: thực hiện được các kỹ thuật trong môn cầu lông gồm: kỹ thuật phát cầu thuận và nghịch tay, kỹ thuật nhận giao cầu, kỹ thuật di chuyển lùi sau thuận và nghịch, kỹ thuật di chuyển đánh cầu trên lưới thuận và nghịch tay.

- Võ thuật

Phần lý thuyết: các nội dung của bộ môn võ thuật, luật và trọng tài.

Phần thực hành: kỹ thuật cơ bản và bài quyền số 1 của môn võ Teakwondo gồm: kỹ thuật tấn, kỹ thuật tay – chân và các kỹ thuật tự vệ cơ bản.

21. Đại số tuyến tính (Linear Algebra) - MS: MAT211

2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và ứng dụng về: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, giá trị riêng, vector riêng, dạng toàn phương, dạng song tuyến tính; nhằm giúp người học phát triển khả năng tư duy logic, giải quyết các bài toán liên quan đến chuyên ngành.

22. Giải tích (Mathematical Analysis) - MS: MAT309

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và ứng dụng về: phép tính vi, tích phân, tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt, ứng dụng phép tính tích phân và vi phân vào hình học, phương trình vi phân, phép biến đổi Laplace, chuỗi số và chuỗi hàm; nhằm giúp người học phát triển khả năng tư duy logic, khả năng phân tích định lượng, giải quyết các bài toán liên quan đến chuyên ngành.

23. Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Probability theory and mathematical statistics)

MS: MAT322

3 TC

Học phần cung cấp cho người học:

- Phần xác suất: Các khái niệm về biến cố, xác suất, xác suất có điều kiện; các công thức xác suất. Các khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên, vector ngẫu nhiên. Hàm (bảng) phân phối, hàm mật độ và các tính chất của chúng. Một số phân phối thông dụng. Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, vector ngẫu nhiên.

- Phần thống kê toán: Tổng thể và mẫu; phân phối mẫu; các đặc trưng mẫu. Bài toán ước lượng: ước lượng điểm, ước lượng khoảng. Kiểm định giả thiết thống kê. Tương quan và hồi quy. Phân tích phương sai.

24. Tin học cơ sở (Basic Informatics) - MS: SOT303 + SOT304

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin: thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, mạng máy tính, virus, hệ điều hành và bộ phần mềm văn phòng của Microsoft.

Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows XP; các phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word; xử lý bảng tính Microsoft Excel; công cụ thuyết trình Microsoft PowerPoint; đồng thời, có thể sử dụng Internet trong việc tìm kiếm, trao đổi thông tin.

25. Vật lý đại cương (General Physics) - MS: PHY305 + PHY306

3 TC

Học phần trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản và nâng cao phù hợp với ngành học về: Cơ học, Nhiệt học, Điện từ học, Trường và sóng điện từ, Sóng ánh sáng, Thuyết tương đối Einstein, Quang lượng tử, Cơ học lượng tử, Vật liệu điện, từ, quang - laser, Hạt nhân, Hạt cơ bản để làm nền tảng cho các học phần cơ sở và chuyên ngành kỹ thuật; nhằm giúp người học hiểu biết và ứng dụng vật lý trong khoa học, công nghệ và đời sống.

26. Hóa đại cương () MS: 3TC

27. Sinh học đại cương (General Biology) - MS: BIO219 2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản: tổ chức của cơ thể sống, quá trình trao đổi chất và năng lượng, sự sinh trưởng - phát triển, sinh sản và cơ chế của tính di truyền ở sinh vật, nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về sinh học và hiểu được những ứng dụng phổ biến của sinh học trong lĩnh vực chuyên môn.

28. Thực hành sinh học đại cương () MS 1TC.

29. Biến đổi khí hậu () MS: 2TC

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản nhất về biến đổi khí hậu, sơ lược lịch sử của biến đổi khí hậu, các hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu. Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ thuật nhằm xác định và đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu từ đó xác định và chọn lựa các giải pháp chiến lược thích ứng. Ngoài ra, những thông tin về tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam và các chiến lược thích ứng được áp dụng cũng sẽ được nghiên cứu sâu trong học phần này.

30. Con người và môi trường () MS: 2TC

Học phần cung cấp cho người học khái niệm và bản chất môi trường, quan hệ qua lại giữa con người với môi trường và tài nguyên. Thông qua học phần, người học có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường.

31. Thực hành Vật lý đại cương 1TC

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành các phần: Cơ - Nhiệt, Sóng ánh sáng, Quang lượng tử, Vật liệu điện- từ. Nhằm giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu tại phòng thí nghiệm và phương pháp nghiên cứu Vật lý học.

32. Thực hành Hóa đại cương 1TC

33. Tiếng Anh A2.1 (English A2.1) - MS: 4 TC

Học phần cung cấp cho người học từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản liên quan đến 5 chủ đề: giới thiệu bản thân, mua sắm, công việc, sức khỏe, thể thao. Ngoài ra, học phần này hướng người học đến việc làm quen với bài kiểm tra TOEIC ngắn (100 câu trắc nghiệm nghe và đọc hiểu). Kết thúc học phần, người học có khả năng giao tiếp theo các chủ đề trên và làm bài thi TOEIC mô phỏng đạt từ 150 điểm trở lên. (Mô tả lại theo CT mới)

34. Tiếng Anh A2. 2 (English A2.2) - MS: 4 TC

Học phần cung cấp cho người học từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống liên quan đến 7 chủ đề: ngân hàng, nhà hàng khách sạn, nơi cư ngụ, giao thông, công nghệ thông tin, thời tiết và du lịch. Ngoài ra, học phần này hướng người học làm quen với bài kiểm tra TOEIC hoàn chỉnh (200 câu trắc nghiệm nghe và đọc hiểu). Kết thúc học phần, người học có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh theo các chủ đề trên và làm bài thi TOEIC mô phỏng đạt từ 300 điểm trở lên. (Mô tả lại).

35. Sinh thái học cá biển MS: AQT 334 2TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quá trình sinh học như kiếm mồi, sinh trưởng, sinh sản, tái tạo/từ vong, di cư. Các hệ sinh thái, quần thể đàn, tương tác giữa các quần thể loài, đàn cá; ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của các yếu tố tự nhiên (sinh, lý, hóa) đến sinh sản và sống sót của chúng trong tự nhiên. Sử dụng những thông tin này như thế nào vào đánh giá nguồn lợi và để phục vụ công tác quản lý thủy sản.

36. Tàu thuyền nghề cá (Fishing Vessels) - MS: NAA 347 3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: cấu trúc chung, thông số hình học cơ bản và tính năng hàng hải của tàu, thiết bị đẩy tàu, các phương thức truyền động cho chân vịt tàu; nguyên lý làm việc của động cơ diesel và các hệ thống phục vụ; các hệ thống tàu cá, khái niệm về vận hành kỹ thuật thiết bị động lực tàu; bản vẽ tàu thuyền và thông số kỹ thuật; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về tàu cá và thiết bị động lực, nhằm phục vụ công tác đăng kiểm và quản lý tàu cá.

37. Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác - MS: 2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Biến động số lượng đàn cá khai thác, các phương pháp đánh giá biến động quần thể, các mô hình đánh giá trữ lượng và khả năng khai thác. Trong phần thực hành, sinh viên biết cách phân tích số liệu nghề cá bằng các phần mềm chuyên dùng.

38. Ngư trường – Nguồn lợi thủy sản - MS: FIT 338

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: nguồn lợi thủy sản và cách định loại cá; đặc trưng môi trường biển và hệ sinh thái biển tác động đến nguồn lợi cá biển Việt Nam; đặc trưng phân bố khu hệ cá và đặc điểm ngư trường – nguồn lợi cá biển Việt Nam; nhằm khai thác hợp lý, quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

39. Công nghệ chế tạo ngư cụ (Fishing Gears Technology) - MS:

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: vật liệu nghề cá và lĩnh vực sử dụng, lý thuyết về công nghệ chế tạo và kỹ năng thực hành; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về vật liệu dùng trong nghề cá; nhằm vận dụng vào công tác kiểm tra giám sát hoạt động ngư cụ và quản lý nghề cá.

40. Hàng hải cơ bản cho nghề cá (Navigation Primer for Fishing)-MS:

2 TC

Học phần trang bị cho người học: kiến thức cơ bản về hàng hải; sử dụng các thiết bị hàng hải phục vụ cho nghề đi biển, các phương pháp xác định đường đi, vị trí tàu, vị trí mục tiêu trên biển bằng địa văn và thiên văn; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về hàng hải cơ bản, vận dụng vào lĩnh vực kiểm tra giám sát tàu cá, quản lý nghề cá, đảm bảo an toàn trong sản xuất nghề cá.

41. Pháp luật hàng hải và nghề cá () MS: NAV 347

4TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Công ước quốc tế về Luật biển (UNLOS 82) và luật biển Việt Nam, pháp luật hàng hải Việt Nam liên quan nghề cá; Luật thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng những nội dung được học, hiểu và vận dụng vào lĩnh vực quản lý thủy sản và bảo vệ nguồn lợi.

42. Nuôi trồng thủy sản – MS: AQT 364

3TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: lĩnh vực, thủy vực và hệ thống nuôi trồng thủy sản, các ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng thủy sản, tác động công nghệ nuôi trồng đến các hệ sinh thái, môi trường, dịch bệnh thủy sản; nhằm quản lý và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

43. Khai thác thủy sản (Fishing Techonogy) – MS: FIT 341

4 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: nguyên lý đánh bắt, phân loại, cấu tạo ngư cụ, tổ chức sản xuất của một số nghề khai thác thủy sản nhằm vận dụng vào công tác quản lý nghề cá.

44. Chế biến thủy sản - MS:

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nguyên liệu chế biến thủy sản; quá trình gây hư hỏng sản phẩm thủy sản; các loại sản phẩm thủy sản từ nguyên liệu; quy trình vận chuyển và sơ chế bảo quản sản phẩm thủy sản; các phương pháp bảo quản sản phẩm thủy sản; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về bảo quản sản phẩm thủy sản và vận dụng vào công tác quản lý chuỗi cung ứng và quản lý thủy sản.

45. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thủy sản () MS:

2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: khoa học thủy sản, lĩnh vực nghiên cứu khoa học thủy sản, thu thập và xử lý số liệu ngành thủy sản; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để có thể tiến hành nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và phân biện kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thủy sản.

46. Khí tượng - Hải dương (Meteorology and Oceanography) - MS: NAV 330

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: các quá trình vật lý trong khí quyển, các hình thái thời tiết và phương pháp dự báo, hải dương học đại dương và động lực học nước; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về khí tượng - hải dương, vận dụng vào lĩnh vực quản lý thủy sản.

47. Địa lý kinh tế nghề cá (Economic Geography of Fisheries) - MS: FIT 336

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về biển và đại dương, nghề cá thế giới và nghề cá Việt Nam; nhằm giúp người học khả năng phân tích, đánh giá và tổng hợp các thông tin liên quan tới nghề cá để phục vụ công tác chuyên môn.

48. Nghề cá nội địa (Inland Fishery)-MS: FIT 362

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: đặc điểm môi trường và nguồn lợi cá mặt nước lớn; nghề khai thác cá nội địa thường dùng ở Việt Nam; một số vấn đề về quản lý nghề cá nội địa, nhằm ứng dụng vào lĩnh vực chuyên môn.

- 49. Máy điện hàng hải (Marine Electronic Equipment) - MS: NAV344 2 TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: nguyên lý hoạt động, cấu tạo, cách lắp đặt, cài đặt, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị máy điện – vô tuyến điện hàng hải trên tàu đánh cá; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về máy điện-vô tuyến điện hàng hải, vận dụng vào lĩnh vực chuyên môn.
- 50. Hải dương học nghề cá (Fisheries Oceanography) - MS: FIT332 2 TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: hải dương học ứng dụng trong quản lý và khai thác cá biển: quy luật biến động phân bố của các cấu trúc hoàn lưu, nhiệt động học, hoá học, sinh học, sinh thái và khối nước biển liên quan đến tập tính sinh sản, sinh trưởng, sự tập trung và di cư các đàn cá và khả năng đánh bắt cá biển; nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố chủ yếu của điều kiện môi trường biển với sự tồn tại và phát triển nguồn lợi cá, các phương pháp khảo sát thu thập, xử lý phân tích các đặc trưng môi trường, các phương pháp mô hình dự báo nguồn lợi, dự báo ngư trường, dự báo cá khai thác phục vụ nhu cầu quản lý, điều hành nghề cá và bảo vệ nguồn lợi biển.
- 51. Kinh tế và quản lý nghề cá (Fisheries Economics and Management) - MS: 3 TC**
 Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các nguyên lý kinh tế cơ bản, mô hình kinh tế sinh học trong nghề Khai thác thủy sản; phân tích mở rộng về mô hình kinh tế sinh học trong nghề cá; quy định quản lý liên quan đến sự phát triển nghề cá; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về kinh tế và quản lý nghề cá, hiểu và vận dụng vào lĩnh vực quản lý nghề cá.
- 52. Đăng kiểm và quản lý tàu cá () MS: FIT 364 3TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý tàu cá, hệ thống tổ chức quản lý tàu cá, công tác đăng kiểm, nghiệp vụ đăng ký tàu cá và thuyền viên tàu cá, quản lý giám sát hoạt động tàu cá, nhằm giúp người học vận dụng vào nghiệp vụ chuyên môn và quản lý.3
- 53. Quản lý Khai thác thủy sản (Fishing Management) - MS: FIT 352 3 TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Một số vấn đề trong quản lý khai thác thủy sản; Các biện pháp và phương thức quản lý khai thác thủy sản; Công tác quản lý khai thác thủy sản ở Việt Nam nhằm giúp người học vận dụng linh hoạt vào công tác chuyên môn.
- 54. Ứng dụng công nghệ thông tin trong Quản lý thủy sản - MS: 4 TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng sử dụng phần mềm tin học ứng dụng; phần mềm GIS; phần mềm tính toán trữ lượng đàn cá và xây dựng mô hình sinh học nghề cá phục vụ cho công việc chuyên môn.
- 55. Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư - MS: FIT360 3 TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: quy định của pháp luật về công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản; lập kế hoạch tổ chức chuyến thanh tra, kiểm tra trên biển; quy trình thanh tra, kiểm tra trên biển; các loại vi phạm và hình thức xử lý; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư vận dụng linh hoạt vào thực tế công tác quản lý nghề cá.
- 56. Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản (Management..) MS: 3 TC**
 Học phần trang bị cho người học tổng quan về: logistics và chuỗi cung ứng, hoạt động điều hành chuỗi cung ứng cơ sở hậu cần nghề cá, chuỗi cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá, chuỗi cung ứng giá trị sản phẩm thủy sản, đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng; nhằm giúp người học lựa chọn hoặc thiết kế được chuỗi cung ứng phù hợp.
- 57. Quản lý hậu cần nghề cá MS : FIT331 3TC**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: cơ sở hậu cần và dịch vụ nghề cá, quản lý Nhà nước tại cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, khả năng thực thi pháp luật và nghiệp vụ quản lý Nhà nước tại cảng cá, nhằm giúp người học vận dụng vào thực tiễn về công tác quản lý - khai thác cảng cá, cơ sở hậu cần và dịch vụ nghề cá.
- 58. Nghề cá bền vững MS: FIT361 3 TC**
 Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững; Các mô hình phát triển nghề cá bền vững; Nghề cá có trách nhiệm; Một số hoạt động hướng tới nghề cá bền vững; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng những nội dung nêu trên, hiểu và vận dụng vào lĩnh vực quản lý nghề cá.
- 59. Qui hoạch và chính sách nghề cá 3TC**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế, tổ chức quản lý và phát triển ngành thủy sản ở tầm vĩ mô; nhằm giúp người học khái quát được những nét đặc thù của ngành, hiểu rõ xu hướng vận động và phát triển ngành và vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề về chính sách kinh tế, quản lý và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam.

60. Thực tập chuyên ngành 1 (Specialized practicum 1)- MS:

3 TC

Học phần trang bị cho người học: kiểm tra, kỹ năng vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để thực hiện và hoàn thành chương trình thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh về qui trình công nghệ và các loại hình: Chế tạo tàu cá, Nuôi thủy sản, khai thác thủy sản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; nhằm kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất nghề cá hiệu quả; vận dụng linh hoạt vào công tác tư vấn, thanh tra và quản lý thủy sản.

61. Thực tập chuyên ngành 2 (Specialized practicum 2) - MS:

3 TC

Học phần trang bị cho người học: kỹ năng vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để thực hiện và hoàn thành chương trình thực tập tại các cơ quan quản lý thủy sản về các lĩnh vực: Chế tạo tàu cá, Nuôi thủy sản, khai thác thủy sản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; nhằm kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất nghề cá hiệu quả; vận dụng linh hoạt vào công tác tư vấn, thanh tra và quản lý thủy sản.

62. Khuyến ngư (Fisheries Extension) - MS: FIT 365

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: một số vấn đề chung về khuyến ngư, đặc trưng cơ bản của khuyến ngư, phương pháp khuyến ngư, đánh giá dự án khuyến ngư; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về khuyến ngư và vận dụng linh hoạt vào thực tế chuyên môn.

63. Theo dõi-Kiểm tra-Giám sát nghề cá (MCS)(fisheries Monitoring – Control – Surveillance) 2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Phương pháp thu thập và phân tích các hoạt động khai thác và các hoạt động liên quan đến nghề cá; thiết lập các biện pháp; kiểm tra, theo dõi và giám sát các hoạt động khai thác và nghề cá nhằm đảm bảo luật pháp quốc gia và biện pháp quản lý về: sản lượng khai thác, thành phần loài, cường lực khai thác, khai thác không chủ ý, cá tạp, các vùng hoạt động, qui định nguồn lợi cho phép khai thác.

64. Quản trị doanh nghiệp thủy sản (Fishery Enterprise Management)

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp thủy sản như: lập kế hoạch sản xuất, quản trị quá trình sản xuất, quản trị khoa học - công nghệ, quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp thủy sản; nhằm giúp người học nắm được những nguyên tắc và phương pháp quản trị doanh nghiệp thủy sản một cách hiệu quả.

66. Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh thủy sản

2 TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: vùng nuôi, đối tượng nuôi, con giống; cơ sở xây dựng, qui hoạch vùng nuôi, tổ chức chuỗi cung ứng sản phẩm nuôi bền vững; dịch bệnh thủy sản và giải pháp quản lý,

67. Bảo quản sản phẩm trên tàu cá (Fish handling and preservation on Fishing boats)-MS:2TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: những quá trình gây hư hỏng sản phẩm thủy sản, quy trình công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác trên tàu cá; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về bảo quản sản phẩm trên tàu cá, hiểu và vận dụng vào thực tế.

68. . Ứng phó với biến đổi khí hậu trong quản lý thủy sản

2 TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: biến đổi khí hậu, hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu, xác định và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến ngành thủy sản, xây dựng giải pháp ứng phó, giảm thiểu rủi ro trong quản lý thủy sản; các giải pháp quản lý rủi ro trong ngành thủy sản trước biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

69. Đồ án tốt nghiệp đại học

10TC

Các hướng thực hiện đề tài: các mô hình quản lý nghề cá; đánh giá hiệu quả tổ chức sản xuất của doanh nghiệp thủy sản; giải pháp quản lý dịch vụ hậu cần nghề cá, qui hoạch vùng nuôi và dịch bệnh thủy sản; chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản và vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản, công tác giám sát tàu cá và hoạt động đánh bắt bất hợp pháp; qui hoạch nghề khai thác thủy sản.

70. Chuyên đề tốt nghiệp đại học

5TC

Các hướng thực hiện chuyên đề: Theo hướng đề tài nhưng phạm vi và đối tượng ở mức độ điều tra, tìm hiểu về công tác quản lý thủy sản.

71. Quản lý tổng hợp vùng ven biển (Integrated Coastal Zone Management)

3 TC

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về vùng ven biển, tầm quan trọng về môi trường và tài nguyên, bối cảnh kinh tế xã hội, nhu cầu quản lý và cách tiếp cận quản lý tổng hợp vùng ven biển hướng đến phát triển bền vững, và tình hình quản lý tổng hợp vùng ven biển ở Việt Nam; nhằm giúp người học biết thu thập và phân tích hồ sơ vùng ven biển, sử dụng được một số công cụ (chính sách, kỹ thuật) trong quá trình xây dựng và thực thi một kế hoạch hay một chương trình quản lý tổng hợp vùng ven biển.

72. Quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP thủy sản -

3TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: các phương pháp quản lý chất lượng thực phẩm: GMP, SSOP, GAP, BRC, HACCP, ISO, TQM, 5S, EMS; tìm kiếm và sử dụng các hệ thống văn bản pháp quy Quốc tế và Việt Nam về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, ứng dụng vào công tác quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản.

73. Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng () MS:

2 TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích, đánh giá những lợi ích của mô hình đồng quản lý và quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng để từ đó tiếp cận tham gia công tác cộng đồng, xây dựng mô hình đồng quản lý và quản lý nghề cá, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại địa phương.

74. Quản lý khu bảo tồn và đa dạng sinh học

2 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: luật đa dạng sinh học, tầm quan trọng của đa dạng sinh học, chính sách và luật pháp liên quan đến đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học, phân loại khu bảo tồn, bảo tồn biển. Thực thi pháp luật về quản lý khu bảo tồn và bảo tồn biển.

IV. 8. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình (cơ hữu, thỉnh giảng)

TT	Họ và tên	C.Danh Học vị	Năm sinh	Học phần phụ trách
1	Phạm Quang Huy	GVC - ThS	1978	Những NL cơ bản của CN Mác– Lênin 1
2	Trần Trọng Đạo	GV - ThS	1979	Tư tưởng Hồ Chí Minh
				Đường lối cách mạng của ĐCS VN
3	Ngô Văn An	GV - ThS		Logic đại cương
4	Đỗ Như An	GVC - TS	1961	Tin học cơ sở
5	Ng Thị Thúy Hồng	GVC - ThS	1963	Ngoại ngữ
6	Trần Văn Tự	GV - CN	1963	Giáo dục thể chất
7	Lê Xuân Tài	GVC - TS	1959	Giáo dục quốc phòng – an ninh
8	Lê Việt Phương	GV - CN	1979	Pháp luật đại cương
9	Đình Thị Sen	GV - CN	1977	Tâm lý học đại cương
10	Trần Thị Việt Hoài	GV - ThS		Thực hành văn bản tiếng Việt
11	Phạm Gia Hưng	GVC - TS	1963	Giải tích
12	Nguyễn Thị Thùy Dung	GV - ThS	1983	Đại số
13	Nguyễn Quang Tuấn	GVC - ThS	1980	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
14	Vũ Đặng Hạ Quyên		1961	Sinh học đại cương
15	Nguyễn Tấn Sỹ	GVC - TS		Sinh thái học cá biển
16	Nguyễn Lâm Anh	GV - TS		Hải dương học nghề cá
17	Lê Hồng Lam	GVC - ThS		Quản trị học
18	Dương Thị Thanh Huyền	GVC - ThS	1960	Cơ sở văn hóa Việt Nam
19	Nguyễn Thị Lan			Kỹ năng giải quyết vấn đề
20	Dương Thị Thanh Huyền	GVC - ThS	1960	Kỹ năng làm việc nhóm
21	Lê Thị Thanh Ngà	GV- ThS		Kỹ năng giao tiếp
22	Phạm Quốc Hùng	GV -TS		Nuôi trồng thủy sản
23	Huỳnh Văn Nhu	GV - TS	1960	Tàu thuyền nghề cá
24	Ngô Thị Hoài Dương	GV - TS	19	Chế biến thủy sản
25	Võ Văn Diễn	GV - ThS	1982	Kinh tế và quản lý nghề cá
26	Trần Tiến Phúc	GVC - TS	1954	Máy điện hàng hải trong nghề cá
27	Trần Đức Phú	GVC - TS	1960	Pháp luật về hàng hải và nghề cá

28	Trần Đức Lương	GVC - ThS	1961	Hàng hải cơ bản cho nghề cá
29	Nguyễn Đức Sĩ	GVC - TS	1958	Giám sát nghề cá
30	Nguyễn Phong Hải	GV - TS	1975	Quản lý tổng hợp vùng ven bờ
				Quản lý khu bảo tồn và đa dạng sinh học
31	Hoàng Văn Tính	GVC - TS	1956	Khuyến ngư Nghề cá nội địa
32	Vũ Kế Nghiệp	GV - ThS	1978	Phương pháp nghiên cứu khoa học
33	Nguyễn Trọng Thảo	GVC- ThS	1959	Ngư trường – Nguồn lợi thủy sản Công nghệ chế tạo ngư cụ Khai thác thủy sản
34	Hồ Ngọc Diệp	GVTH.ThS	1959	Thực tập chuyên ngành
35	Nguyễn Trọng Lương	GV - ThS	1980	Quản lý Khai thác thủy sản
36	Phạm Khánh Thụy Anh	GV-ThS	1988	Địa lý kinh tế nghề cá
37	Phạm Văn Thông	GV - ThS	1981	Quản lý hậu cần nghề cá
				Ứng dụng công nghệ thông tin trong QLTS
38	Nguyễn Văn Nhuận	GV - ThS	1982	Đăng kiểm và quản lý tàu cá
				Thanh tra thủy sản và NV kiểm ngư
39	Ngô Đăng Nghĩa	PGS-TS	1960	Ứng phó biến đổi khí hậu trong QLTS
40	Phạm Khánh Thụy Anh	GV-ThS	1988	Quản trị doanh nghiệp thủy sản
41	Nguyễn Thị Trâm Anh	GVC-TS		Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm TS
42	Nguyễn Thuận Anh	GVC-TS	1969	Quản lý chất lượng và VSATTP
43	Lê Minh Hoàng	GV-TS		Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh TS
44	Tô Văn Phương	GV- ThS		Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác

IV.9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

1. Các phương tiện, giảng dạy lý thuyết

Phòng học được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy và học (âm thanh, chiếu sáng, máy chiếu, bảng viết, thông gió) đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đủ chỗ ngồi cho người học.

2. Các phương tiện triển khai thực hành, thí nghiệm

Ngoài các phòng thí nghiệm, thực hành chung của trường có liên quan đến ngành học như các phòng thí nghiệm: vật lý, hóa học, sinh học, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử; các phòng thực hành: tin học; xưởng điện, xưởng điện tử; phòng Bảo tàng Thủy sinh vật, người học còn được thực hành tại các phòng thực hành, huấn luyện thuộc Viện Công nghệ và Kỹ thuật Khai thác thủy sản quản lý thể hiện ở bảng sau:

TT	Cơ sở thực hành, thí nghiệm	Tổng diện tích (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Đã có
1	Phòng Bảo tàng ngư cụ	100 m ²	100 m ²	x
2	Phòng Huấn luyện máy hàng hải	97m ²	97m ²	x
3	Phòng Thủy nghiệp và phòng nạn	60m ²	60m ²	x
4	Phòng thực hành hải đồ	Thuộc Trung tâm Huấn luyện thuyền viên		
5	Phòng mô phỏng hệ thống GMDSS			
6	Phòng mô phỏng điều khiển tàu			
7	Tàu huấn luyện			

3. Tài liệu phục vụ học phần

TT	Tên học phần	GT / Tài liệu tham khảo	Tác giả	Năm XB	Nhà XB
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-	GT Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2009	NXB Chính trị QG
		GT Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	NXB Chính trị QG
		GT Triết học Mác - Lênin	Hội đồng TW	1999	NXB Chính trị QG

	Lênin 1	Những chuyên đề Triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	2007	NXB Khoa học Xã hội
2	Những nguyên lý cơ bản của CNMác-Lênin 2	GT Những nguyên lý cơ bản của CNMác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2009	NXB Chính trị Quốc gia
		GT Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Bộ Giáo dục & Đào tạo.	2006	NXB Chính trị Quốc gia
		GT CN xã hội khoa học.	Bộ Giáo dục & Đào tạo.	2006	NXB Chính trị QG
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	GT Tư tưởng Hồ Chí Minh (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2009	NXB Chính trị Quốc gia
		GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng TW	2003	NXB Chính trị Quốc gia
		Tập bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh	HV Chính trị Quốc gia HCM	2001	NXB Chính trị Quốc gia
		Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	1997	NXB Chính trị Quốc gia
		Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	Vũ Văn Hiến - Đinh Xuân Lý	2003	NXB Chính trị Quốc gia
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	GT Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2009	NXB Chính trị Quốc gia
		Văn kiện đảng thời kỳ đổi mới (VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng cộng sản Việt Nam	2005, 2006	NXB Chính trị Quốc gia
		Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH	Đảng cộng sản Việt Nam	1991	NXB Sự thật, Hà Nội
		Chương trình môn học đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	Tin học cơ sở	Bài giảng Tin học cơ sở	BM Kỹ thuật phần mềm	2011	ĐH Nha Trang
		Thực hành Tin học cơ sở	BM Kỹ thuật phần mềm	2011	ĐH Nha Trang
		GT Windows XP, MS. Word, MS. Excel, MS. Power Point	Nguyễn Đình Thuận	2008	ĐH Nha Trang
6	Tiếng Anh A2.1	Effective for English communication (student's book)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Effective for English communication (workbook)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Starter TOEIC	Anne Taylor & Casey Malarcher	2007	Compass Media Inc.
		Longman preparation series for the New TOEIC test	Lin Lougheed	2008	Longman
7	Tiếng Anh A2.2	Effective for English communication (student's book)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Effective for English communication (workbook)	IIG Vietnam	2010	ĐH Nha Trang
		Developing skills for the TOEIC Test	Paul Edmunds –Anne Taylor	2007	Compass Media Inc.

		Starter TOEIC	Anne Taylor & Casey Malarcher	2007	Compass Media Inc.
		Longman preparation series for the New TOEIC test	Lin Lougheed	2008	Longman
8	GDTC 1 Điền kinh	BG Môn học Điền kinh	Nguyễn Hữu Tập - Phù Quốc Mạnh		
9	Giáo dục thể chất 2	BG Môn học Bơi lội	Nguyễn Hồ Phong		
10	Giáo dục thể chất 3	BG Môn học Bóng đá	Doãn Văn Hương - Phù Quốc Mạnh		
		Giáo án huấn luyện đội tuyển Bóng đá trường ĐHNT	Doãn Văn Hương		
		BG môn học Bóng chuyền	Trần Văn Tự		
		BG môn học Cầu lông	Tương Hoài Trung		
		BG môn học Taekwondo	Giang Thị Thu Trang		
11	GD QP 1,2,3				
12	Biến đổi khí hậu	Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam	Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trọng Hiệu, Trần Thục	2010	NXB KH&KT
		Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước Việt Nam	Trần Thanh Xuân, Trần Thục	2011	NXB KH&KT
13	Pháp luật đại cương	Pháp luật Đại cương	Lê Minh Toàn	2011	C.Trị Quốc gia
		GT Lý luận NN&PL	Trường ĐH Luật Hà Nội	2009	Tư Pháp
14	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	Nghệ thuật giao tiếp	Chu Sĩ Chiêu	2009	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh
		Nghệ thuật giao tiếp	Dale Carnegie, BD: Đoàn Doãn	2001	Thanh Niên
		Giao tiếp và giao tiếp văn hoá	Nguyễn Quang	2002	ĐHQG HN
15	Logic học đại cương	Nhập môn Logic học	Ng Trọng Thóc	2005	ĐH.NTrang
		Lôgic trong tranh luận	Nguyễn Trường Giang	2002	NXB Thanh niên
		Lôgic hình thức	Nguyễn Anh Tuấn	2000	ĐHQG gia
16	Tâm lý học đại cương	GT Tâm lý học ĐC	Nguyễn Quang Uẩn (CB)	2001	NXB ĐHQG Hà Nội
		Tâm lí học QTKD	Thái Trí Dũng	2004	NXB Thống kê
		TLH Lao động	Đào Thị Oanh	2003	ĐHQG HN
17	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Tiếng Việt thực hành (Q1)	Ng Minh Thuyết, Ng Văn Hiệp	2004 (TB)	NXB Giáo dục
		Tiếng Việt thực hành (Q2)	Bùi M.Toán, Lê A, Đỗ V. Hùng	2002 (TB)	NXB Giáo dục
		HT liên kết văn bản TV	Trần Ngọc Thêm	1985	NXB Khoa học Xã hội
18	Đại số	GT Toán học cao cấp, tập I	Nguyễn Đình Trí (CB)	2000	NXB Giáo dục
		Bài tập toán học cao cấp, t. I	Nguyễn Đình Trí (CB)	2000	NXB Giáo dục
		Đại số tuyến tính	Nguyễn Hữu Việt Hưng	2001	NXB ĐHQGHN
19	Giải tích	GT Toán học cao cấp, tập II, III	Nguyễn Đình Trí (Chủ biên)	2000	NXB Giáo dục
		Bài tập toán học cao cấp, tập II, III	Nguyễn Đình Trí (Chủ biên)	2000	NXB Giáo dục
		Applied calculus	Laurence D.Hoffmann	2005	Mc Grow hill

20	Con người và môi trường				
21	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Ngọc	2008	KH-KT
		Quản trị doanh nghiệp	Đông Thị Thanh Phương và các tác giả khác	2000	Thống kê
		Production/Operation management.	William J. Stevensnon.	2002	Moscow
		Quản trị doanh nghiệp nuôi	Phạm Xuân Thủy	2008	KH-KT
22	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Lý thuyết xác suất thống kê	Đình Văn Gắng	2003	NXB Giáo dục
		Bài tập xác suất thống kê	Đình Văn Gắng	2003	NXB Giáo dục
		Bài tập xác suất và thống kê	Đặng Hùng Thắng	2003	NXB Giáo dục
		Xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	2003	NXB ĐHQGHN
23	Sinh học Đại cương	GT Sinh học Đại cương	Phạm Thành Hồ	2004	ĐH Q.Gia TP Hồ Chí Minh
		Công nghệ tế bào	Ng Đức Lượng, Lê Thị Thủy Tiên	2002	ĐH Q.Gia TP Hồ Chí Minh
		Sinh học phân tử	Hồ Huỳnh Thùy Dương	1997	NXB Giáo dục
24	Sinh thái học cá biển	Cơ sở sinh thái học	Dương Hữu Thời	2000	NXB ĐHQG Hà Nội
		Cơ sở sinh thái học	Vũ Trung Tạng	2000	NXB Giáo dục
		Sinh thái học n.nghiệp	Trần Đức Viễn, Phạm Văn Phê	1997	NXB Giáo dục
25	Hải dương học nghề cá	GT Hải dương học	Nguyễn Văn Lai	2006	NXB Xây dựng
		Hải dương học đại cương	V. N. Malinhin, Phạm Văn Huân dịch	2011	ĐHQG Hà Nội
26	Đánh giá trữ lượng đàn cá khai thác	Đánh giá trữ lượng đàn cá vùng nhiệt đới (GT, BT)	Đặng Đình Viên (Dịch)	1992	TTâm T.Tin KHCN Thủy sản, Hà Nội
27	Quản trị học				
28	Công nghệ chế tạo ngư cụ	GT Công nghệ chế tạo ngư cụ	Ng Văn Động Ng Trọng Thảo	2009	NXB KH&KT
		Modern Fishing gear technology	M. Shahul Hameed&MR.Boopendranath	2000	Daya, New Delhi
29	Máy điện hàng hải	Federal radionavigation systems	Norman Y. Mineta Donald H. Rumsfeld	2002	U.S. Department of Transportation,
		Deep Sea Equipment Installation Handbook	Furuno electric	2007	Furuno electric co., ltd, Japan
		Instruction manual HF all band transceiver IC-718	Icom Inc.	2000	Icom Inc. Japan
30					
31	Hàng hải cơ bản cho nghề cá	Sổ tay hàng hải (Tập 1)	Tiểu Văn Kinh	2006	NXB Giao thông vận tải
		Navigation Primer for Fishermen	Captain F.S. Howell, M.B.E	1986	Fishing News Books Ltd-England

34	Pháp luật về hàng hải và nghề cá	Bộ luật hàng hải Việt Nam	Quốc hội	2005	NXB Chính trị Quốc gia
		Các văn bản pháp luật về hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	2000	NXB Chính trị quốc gia
35	PP nghiên cứu KH trong QLTS	Phương pháp luận NC khoa học	Vũ Cao Đàm	2007	NXB Khoa học và Kỹ thuật
		P.Pháp thí nghiệm	Ng Thị Lan	2005	Đại học NN1
36	Ngư trường – Nguồn lợi thủy sản	TLTK: Đánh giá trữ lượng đàn cá vùng nhiệt đới	Đặng Đình Viên (Dịch)	1992	TTâm T.Tin KHCN Thủy sản, Hà Nội
		Nguồn lợi Thủy sản VN	Nguyễn Tấn Trịnh (CB)	2000	NXB Nông nghiệp
		Ngư loại học	Vũ Trung Tạng, Ng. Đình Mão	2006	NXB Nông nghiệp
		Cơ sở sinh lý, sinh thái cá	Mai Đình Yên (Chủ biên)	1985	NXB Nông nghiệp
37	Khí tượng - Hải dương	Khí tượng - Thủy văn hàng hải	Nguyễn Sỹ Kiêm	2003	NXB Xây dựng
		Mariner's Weather Handbook	Dashew, Steve and Linda	1999	Beowulf, Inc, USA
38		The American Practical Navigator	Nathaniel Bowditch, LL.D	2002	National Imagery and Mapping Agency, USA
		Year book-Fishery Staties-2004	FAO	2007	FAO
39	Hải dương học nghề cá	Fisheries oceanography and ecology	Laevastu T and M.L. Hayes	1981	Oxford Fishing News Books
		GT Hải dương học	Nguyễn Văn Lai	2006	NXB Xây dựng
		Hải dương học đại cương	V. N. Malinhin, Phạm Văn Huân dịch	2011	ĐHQG Hà Nội
40	Tàu thuyền nghề cá	GT Lý thuyết tàu thủy	Trần Gia Thái	2009	ĐH Nha Trang
		GT Trang bị động lực	Ng Đình Long	1994	NXB Nông nghiệp
41	Chế biến thủy sản	Cá tươi, chất lượng và các biến đổi chất lượng (dịch)	Huss. H.H	2004	Nông nghiệp
		Nguyên liệu chế biến thủy sản	Nguyễn Trọng Cẩn, Đỗ Minh Phụng, Nguyễn Anh Tuấn	2006	Nông nghiệp
		Hướng dẫn xử lý và bảo quản tôm sú nguyên liệu (Tái bản lần 2)	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo, Huỳnh Lê Tâm, Else Marie Andersen	2005	Nông nghiệp
		Hướng dẫn xử lý và bảo quản nhuyễn thể chân đầu nguyên liệu	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo, Nguyễn Quang Huy, Huỳnh Lê Tâm	2005	Nông nghiệp
		Bảo quản và chế biến cá ngừ làm sashimi	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	1999	Nông nghiệp
		Vận chuyển thủy sản tươi sống và thủy sản chế biến	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	1999	Nông nghiệp
		Presevation of meat and fish	Brigitte Maas-van Berkel, Brigiet van den Boogaard, Corlien Heijnen	2004	Marja de Goffau-Markusse
		Postharvest Technology of Fish and Fish Products	Balachandran, K K	2001	Daya Publishing House
42	Kinh tế và quản lý nghề cá	GT Kinh tế học Quản lý nghề cá	Dương Trí Thảo	2009	NXB K.Học kỹ thuật, TP. HCM
		Kinh tế học quản lý nghề cá	Lee G.Anderson	2004	NXB Nông nghiệp

		Kinh tế và Quản lý nghề cá	Ola Flaaten	2007	NXB Nông nghiệp
		Quản lý năng lực khai thác Nghề cá	Dominique Greboval	2004	NXB Nông nghiệp TP.HCM
43	Công nghệ chế tạo ngư cụ	GT Công nghệ chế tạo ngư cụ	Ng Văn Động Ng Trọng Thảo	2009	NXB KH & KT
		Modern Fishing gear technology	M. Shahul Hameed & MR.Boopendranath	2000	Daya, New Delhi
44	Nuôi trồng thủy sản				
45	Quản lý môi trường nuôi và dịch bệnh TS				
46	Nghề cá bền vững	Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ NN và Phát triển nông thôn	2009	Nhà xuất bản Lao động
		Luật Bảo vệ môi trường	Quốc hội	1994	NXB Chính trị quốc gia
		Regional Guidelines for Responsible Fishing Operations in Southeast Asia	SEAFDEC	2000	SEAFDEC
		Thực hiện kế hoạch hành động Quốc tế ngăn chặn, phát hiện và loại bỏ đánh cá bất hợp pháp, không báo cáo.	FAO	2002	CụcKT&BVNLTS(2008)
47	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Ngọc	2008	KH-KT
		Quản trị doanh nghiệp	Đông Thị Thanh Phương và các tác giả	2000	Thống kê
		Production/Operation management.	William J. Stevensnon.	2002	Moscow
		Quản trị doanh nghiệp nuôi	Phạm Xuân Thủy	2008	KH-KT
47 48	Khai thác thủy sản	GT Nghề lưới rê GT Nghề lưới rùng, GT Nghề lưới vây	Hoàng Hoa Hồng Thái Văn Ngạn Thái Văn Ngạn	2004 2004 2005	NXB Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
		TLTK Calculations of fishing gear designs	A.I Fridman	1992	FAO
		GT Cơ sở lý thuyết và thiết kế ngư cụ	Nguyễn Văn Động	1995	NXB Nông nghiệp
		Fish catching methods of the world	A.V. Brandt	1997	Fishing News Book Ltd
		GT Kỹ thuật Khai thác cá: Nghề lưới kéo	Nguyễn Văn Động	2004	NXB Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh
		Hướng dẫn khai thác và Bảo vệ NLTS Việt Nam	Vũ Huy Thủ (Chủ biên)	2003	NXB Nông nghiệp, Hà Nội
		Fishing gear and Methods in Southeast Asia (Tập 1: Thailand)	SEAFDEC	2004 (TB)	SEAFDEC
		Fishing gear and Methods in Southeast Asia (Tập 1: Cambodia)	SEAFDEC	2007	SEAFDEC

		Basic knowledge of trawl and trawling	Bandid Chokesanguan	1985	FAO
49	Quản lý Khai thác thủy sản	Kinh tế sinh học nghề cá - Lý thuyết mô hình và quản lý	J.C.Seijo, O.Defeo, S.Salas	2002 (IB)	Bộ Thủy sản
		Luật Thủy sản và các VB hướng dẫn thi hành	Bộ NN và Phát triển nông thôn	2009	NXB Lao động
		Quản lý nghề cá	Nguyễn Song Hà (Dịch)	2003	NXB Nông nghiệp
50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thủy sản	FAO-ICLARM stock assessment tools II (FISAT II)	FAO	2005	Worldfish Center Food and Agriculture Organization Of The United Nations
		GIS căn bản	Trần Trọng Đức	2002	ĐHQG TP. HCM
		Viễn thám căn bản	Trần Trọng Nhất, Nguyễn Kim Lợi	2009	NXB Nông nghiệp
		GIS Đại cương-Thực hành	Trần Vĩnh Phước	2003	ĐHQG TP Hồ Chí Minh
		Thực hành viễn thám	Lê Văn Trung	2006	ĐHQG TP Hồ Chí Minh
		The application of remote sensing technology to marine fisheries: an introductory manual	M.J.A. Butler, M.-C. Mouchot, V. Barale, C. LeBlanc	2003	FAO
51	Thực tập chuyên ngành	Đề cương thực tập chuyên ngành	Bộ môn CN khai thác TS	2016	ĐH Nha Trang
52	Quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP thủy sản	Quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản	Đặng Văn Hợp, Đỗ Văn Ninh, Nguyễn Thuần Anh	2005	NXB Nông nghiệp
		Nhập môn HACCP (chế biến thủy sản)	Dự án SEAQIP	1997	NXB Nông nghiệp
		Vệ sinh trong các xí nghiệp chế biến thủy sản	Dự án SEAQIP	1998	NXB nông nghiệp
		Tài liệu về HACCP cơ bản	Bộ thủy sản	2000	
		HACCP in the meat industry	Martyn Brown	2000	Woodhead Publishing Limited
		Handbook of organic food safety and quality	Cooper J, Niggli U, Leifert C	2007	Woodhead Publishing Limited and CRC Press LLC
		The Food Safety Hazard Guidebook	Lawley R, Curtis L, Davis J	2008	The Royal Society of Chemistry
53	Khuyến ngư	Phương pháp khuyến ngư	Trần Văn Vỹ	2001	NXB Nông nghiệp
		Một số vấn đề về công tác K.Ngư	Đỗ Đoàn Hiệp, Phạm Trang	2001	NXB Nông nghiệp
		Fishery Extension; Approach, Concept and Methodology	Supaporn Anuchiracheeva	2000	SEAFDEC
54	Quản lý hậu cần nghề cá	Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	Bộ NN và Phát triển nông thôn	2009	NXB Lao động
		Bộ luật HH Việt Nam	Quốc hội	2005	NXB Chính trị QG
		Các vb pháp luật về H.Hải	Cục Hàng hải Việt Nam	2000	NXB Lao động
55	Nghề cá nội địa	GT Nghề lưới rê	Hoàng Hoa Hồng	2004	NXB N nghiệp
		GT Nghề lưới rùng	Thái Văn Ngạn	2004	NXB N nghiệp

		Fishing gear and Methods in Southeast Asia (Tập 1: Cambodia)	SEAFDEC	2007	SEAFDEC
		Fishing gear and Methods in Southeast Asia (Tập 1: Thailand)	SEAFDEC	2004 (TB)	SEAFDEC
		Fish catching methods of the world	A.V. Brandt	1997	Fishing News Book Ltd
56	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	Quản lý tổng hợp vùng bờ	Nguyễn Bá Quý	2007	Đại học Thủy lợi, Hà Nội
		Quản lý tổng hợp vùng ven bờ	Nguyễn Mộng	2007	ĐH Khoa học, Đại học Huế
		Guidelines for Integrated Coastal Zone Management	Post, J.C. and Lundin, C.G	1996	The World Bank, Washington D.C. USA
57	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	Luật Thanh tra	Quốc hội	2004	NXB Chính trị Quốc gia
		Luật T.Sản và các văn bản HDTH, tập 1	Bộ NN&PTNT	2009	NXB Lao động
		Các văn bản HDTH luật Thủy sản, tập 2	Bộ NN&PTNT	2009	NXB Lao động
		Nghiệp vụ công tác thanh tra	Trường Cán bộ Thanh tra	2008	Nhà xuất bản Giao thông vận tải

Khánh Hòa, ngày tháng 7 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG